

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NĐ
TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 02/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 22-01-2024
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NĐ, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Mạnh.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Hồ Thị Thanh Tuyền.
- Ông Phạm Xuân Vinh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Ngọc Trinh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện NĐ, tỉnh Thừa Thiên Huế.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện NĐ, tỉnh Thừa Thiên Huế tham gia phiên tòa:

Ông Nguyễn Minh Thuận - Kiểm sát viên.

Trong ngày 22 tháng 01 năm 2024 tại Phòng xử án Tòa án nhân dân huyện NĐ, tỉnh Thừa Thiên Huế xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 64/2023/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 11 năm 2023 về việc: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 817/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 12 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 10/2024/QĐST-HNGĐ, ngày 05/01/2024 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Hoàng Thị M, sinh năm 1987.

Nơi thường trú: Xã TQ, huyện NĐ, tỉnh Thừa Thiên Huế, có mặt.

2. *Bị đơn:* Anh Vũ Ngọc C, sinh năm 1987.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Xã KS, huyện BY, tỉnh Lào Cai; Nơi cư trú cuối cùng: Xã TQ, huyện NĐ, tỉnh Thừa Thiên Huế, vắng mặt (Đã bị Tòa án tuyên bố mất tích).

3. *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp* cho cháu Vũ Thị Ngọc H, sinh ngày 23/01/2008 theo đơn yêu cầu trợ giúp pháp lý của chị Hoàng Thị M: Bà Nguyễn Thị S là Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Thừa Thiên Huế, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện đề ngày 27/11/2023, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa chị Hoàng Thị M trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Vũ Ngọc C tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 25/7/2007 tại Ủy ban nhân dân xã TQ, huyện NĐ, tỉnh Thừa Thiên Huế. Sau khi kết hôn hai vợ chồng về sinh sống với gia đình ông Hoàng Tâm và bà Nguyễn Thị Lài (ba mẹ ruột của chị M) tại xã TQ, huyện NĐ, tỉnh Thừa Thiên Huế. Do hoàn cảnh kinh tế của vợ chồng khó khăn, ở địa phương anh C không có việc làm ổn định. Ở với nhau được 03 năm, đến tháng 11 năm 2010 thì anh C nói đi làm ăn và bỏ đi khỏi địa phương để lại con cho chị nuôi dưỡng mà không báo cho gia đình cũng như chính quyền địa phương biết đi đâu, làm gì. Sau khi anh C bỏ đi, chị tìm mọi cách liên lạc qua điện thoại, liên lạc qua các trang mạng xã hội nhưng bị chặn không liên lạc được. Thông qua bạn bè và gia đình nhưng không ai biết anh C đang làm gì và ở đâu. Đầu năm 2023, chị và ông Hoàng Tâm có ra nhà anh C thì mọi người nói là “không có tin tức gì của anh C”. Chị đến Tòa án nhân dân huyện Bảo Yên, tỉnh Lào Cai để được hướng dẫn giải quyết ly hôn với anh C thì họ trả lời “anh C đã bỏ đi khỏi địa phương từ lâu nên không thuộc thẩm quyền giải quyết”, họ hướng dẫn chị về lại Tòa án nhân dân huyện NĐ, nơi cư trú cuối cùng của anh C trước khi biệt tích để được giải quyết theo thủ tục “tuyên bố một người mất tích”. Ngày 10/11/2023, Tòa án nhân dân huyện NĐ, tỉnh Thừa Thiên Huế đã có Quyết định số 01/2023/QĐST-DS về việc tuyên bố anh Vũ Ngọc C mất tích. Tại phiên tòa, chị M xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, tình cảm chị dành cho anh C không còn nên chị kiên quyết yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Vũ Ngọc C.

Về con chung: Chị với anh Vũ Ngọc C có 01 người con chung là cháu Vũ Thị Ngọc H, sinh ngày 23/01/2008. Từ khi anh C bỏ đi đến nay, cháu Ngọc H ở với chị M và ông bà ngoại tại xã TQ, huyện NĐ, tỉnh Thừa Thiên Huế. Không có sự quan tâm, chu cấp của anh C để nuôi con nhưng chị M và gia đình ngoại vẫn đảm bảo điều kiện nuôi dưỡng cháu tốt nhất về mọi mặt. Theo nguyện vọng của cháu Ngọc H và để tiếp tục ổn định cuộc sống cho cháu, chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu đến khi cháu đủ 18 tuổi; không yêu cầu anh Vũ Ngọc C cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị M không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Đối với bị đơn anh Vũ Ngọc C:* Anh C đã bị Tòa án nhân dân huyện NĐ, tỉnh Thừa Thiên Huế tuyên bố mất tích theo Quyết định sơ thẩm giải quyết việc dân sự về việc tuyên bố một người mất tích số 01/2023/QĐST-DS, ngày 10/11/2023. Để đảm bảo quyền và nghĩa vụ của đương sự, Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng nhưng không nhận được thông tin phản hồi nào của anh C nên không có ý kiến của anh đối với yêu cầu khởi kiện của chị Hoàng Thị M.

** Ý kiến của bà Bà Nguyễn Thị S là Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Thừa Thiên Huế là người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho cháu Vũ Thị Ngọc H trình bày:*

Vợ chồng chị Hoàng Thị M và anh Vũ Ngọc C có 01 người con chung tên là

cháu Vũ Thị Ngọc H, sinh ngày 23/01/2008. Sau khi anh C bỏ đi từ tháng 11/2010 đến nay, cháu Ngọc H ở với chị M và ông bà ngoại tại xã TQ, huyện NĐ, tỉnh Thừa Thiên Huế. Thời gian anh C bỏ đi để lại cháu Ngọc H cho chị M trực tiếp nuôi dưỡng, không có sự chu cấp và quan tâm của anh C nhưng chị M và gia đình ngoại vẫn đảm bảo điều kiện nuôi dưỡng cháu tốt nhất về mọi mặt; kết quả học tập và điều kiện sinh sống của cháu Ngọc H đều đảm bảo, cháu đạt kết quả học tập cao. Ngoài ra, anh C đã bị Tòa án nhân dân huyện NĐ tuyên bố mất tích theo Quyết định số 01/2023/QĐST-DS ngày 10/11/2023. Và theo nguyện vọng của cháu Ngọc H, cháu mong muốn được ở với mẹ và ông bà ngoại. Để tiếp tục ổn định cuộc sống của cháu đề nghị Tòa án xem xét giao cháu cho chị M trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc cho đến khi cháu đủ 18 tuổi là phù hợp với các quy định tại các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; về cấp dưỡng: Do chị M không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con nên Trợ giúp viên pháp lý không có ý kiến gì.

* Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện NĐ, tỉnh Thừa Thiên Huế phát biểu quan điểm:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 40; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 2 Điều 68 Bộ luật dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Hoàng Thị M, chị M được ly hôn với anh Vũ Ngọc C; về con chung: Giao cháu Vũ Thị Ngọc H, sinh ngày 23/01/2008 cho chị M trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; anh C không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền đi lại thăm nom con chung theo quy định của pháp luật; về tài sản chung, nợ chung: Do chị M không yêu cầu nên không xem xét giải quyết; về án phí: Nguyên đơn chị Hoàng Thị M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn chị Hoàng Thị M khởi kiện yêu cầu ly hôn, tranh chấp nuôi con với bị đơn anh Vũ Ngọc C nên quan hệ pháp luật được xác định là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”. Anh C bị Tòa án nhân dân huyện NĐ, tỉnh Thừa Thiên Huế tuyên bố mất tích theo Quyết định số 01/2023/QĐST-DS ngày 10/11/2023. Nơi cư trú cuối cùng của anh Vũ Ngọc C là Xã TQ, huyện NĐ, tỉnh Thừa Thiên Huế. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 40 Bộ luật Tố tụng dân sự năm

2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện ND, tỉnh Thừa Thiên Huế.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn Vũ Ngọc C bị Tòa án nhân dân huyện ND, tỉnh Thừa Thiên Huế tuyên bố mất tích nên không thể lấy lời khai, tiến hành hòa giải được, Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt anh C theo quy định của pháp luật.

[3] Về nội dung vụ án:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Hoàng Thị M và anh Vũ Ngọc C kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn ngày 25/8/2007 tại Ủy ban nhân dân xã TQ, huyện ND, tỉnh Thừa Thiên Huế nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp được pháp luật thừa nhận.

Sau khi kết hôn vợ chồng về sinh sống với ba mẹ ruột của chị M tại xã TQ, huyện ND, tỉnh Thừa Thiên Huế. Do hoàn cảnh kinh tế của vợ chồng khó khăn, ở địa phương anh C không có việc làm ổn định đến tháng 11 năm 2010 thì anh C nói đi làm ăn và bỏ đi khỏi địa phương từ đó đến nay mà không báo cho gia đình cũng như chính quyền địa phương biết đi đâu, làm gì nên chị M đã yêu cầu Tòa án nhân dân huyện ND tuyên bố anh C mất tích. Tại Quyết định sơ thẩm giải quyết việc dân sự về việc tuyên bố một người mất tích số 01/2023/QĐST-DS, ngày 10/11/2023 của Tòa án nhân dân huyện ND, tỉnh Thừa Thiên Huế đã tuyên bố anh Vũ Ngọc C mất tích. Xét về quan hệ hôn nhân giữa chị M và anh C đã không còn tồn tại trên thực tế, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử căn cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 2 Điều 68 của Bộ luật Dân sự chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Hoàng Thị M, chị M được ly hôn với anh Vũ Ngọc C.

[3.2] Về con chung: Chị Hoàng Thị M và anh Vũ Ngọc C có 01 người con chung là cháu Vũ Thị Ngọc H, sinh ngày 23/01/2008. Xét theo yêu cầu của chị M và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho cháu Ngọc H, Hội đồng xét xử nhận định: Từ khi anh C bỏ đi cho đến nay, cháu Ngọc H do chị M trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, mặc dù không có sự quan tâm và chu cấp của anh C, cháu vẫn được chị M đảm bảo điều kiện nuôi dưỡng tốt nhất về mọi mặt. Ngoài ra, anh C đã bị Tòa án tuyên bố mất tích và theo nguyện vọng của cháu Ngọc H là mong muốn được tiếp tục ở với mẹ là Hoàng Thị M. Để tiếp tục ổn định cuộc sống cho cháu, cần chấp nhận giao cháu Vũ Thị Ngọc H cho chị M trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng theo quy định tại các Điều 81, 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình. Về cấp dưỡng nuôi con: Do anh Vũ Ngọc C mất tích nên chị M không yêu cầu anh C phải cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3.2] Về tài sản chung, nợ chung: Chị M không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Hoàng Thị M phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[5] Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án này theo quy định của pháp luật.

Đối với quan điểm giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện ND; quan điểm bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho cháu Vũ Thị Ngọc H của Trợ giúp viên pháp lý có căn cứ pháp luật nên cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 40, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Khoản 2 Điều 68 Bộ luật Dân sự;

Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Hoàng Thị M.

Về quan hệ hôn nhân: Chị Hoàng Thị M được ly hôn với anh Vũ Ngọc C.

Về con chung: Giao cháu Vũ Thị Ngọc H, sinh ngày 23/01/2008 cho chị Hoàng Thị M trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi cháu trưởng thành (đủ 18 tuổi); do anh Vũ Ngọc C mất tích nên chị M không yêu cầu anh C phải cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết. Sau khi anh C trở về, anh C có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Khi cần thiết, vì lợi ích của con chung các bên đương sự có quyền yêu cầu thay đổi nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị M không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Hoàng Thị M phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) số tiền tạm ứng án phí mà chị đã nộp theo biên lai thu tiền số 0002263 ngày 27/11/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện ND, tỉnh Thừa Thiên Huế; chị M đã nộp đủ.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn chị Hoàng Thị M có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn anh Vũ Ngọc C vắng mặt có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả

thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thừa Thiên Huế;
- VKSND tỉnh Thừa Thiên Huế;
- VKSND huyện NĐ;
- Chi cục THADS huyện NĐ;
- UBND xã TQ, huyện NĐ, tỉnh Thừa Thiên Huế;
- Đương sự;
- Trợ giúp viên pháp lý;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Văn Mạnh

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hồ Thị Thanh Tuyền Phạm Xuân Vinh

Nguyễn Văn Mạnh

